

### **341. XÃ HỘI HỌC MÔI TRƯỜNG,**

nghiên cứu quan hệ qua lại giữa con người với môi trường và quan hệ qua lại giữa con người với nhau trước môi trường. Giddens (2009) nhấn mạnh rằng xã hội học môi trường (XHHMT) mang lại sự hiểu biết về các vấn đề môi trường, làm rõ những hành vi tạo ra sức ép lên môi trường, đánh giá các chính sách cũng như những đề xuất giải pháp cho các vấn đề môi trường.

XHHMT ra đời vào khoảng nửa sau thế kỷ XX. Dunlap (1997) đã phân chia lịch sử phát triển của XHHMT như sau: Trong những năm 1960, XHHMT quan tâm đến ô nhiễm do sản xuất công nghiệp, hạn chế về tài nguyên, năng lượng, an toàn và rủi ro của việc tiêu dùng. Sang thập kỷ 1970, XHHMT tập trung vào thái độ của công chúng đối với các vấn đề môi trường, hệ quả xã hội của các rủi ro môi trường, phong trào môi trường, chính sách môi trường, đặc biệt các vấn đề liên quan đến năng lượng và khan hiếm tài nguyên trong bối cảnh khủng hoảng năng lượng những năm 1973-1974. Sau đó, trong những năm 1980, sự phát triển của XHHMT có những bước chững lại do mối quan tâm về kinh tế đã đẩy mối quan tâm về môi trường xuống hàng thứ yếu. Cuối thập kỷ 1980 sang thập kỷ 1990 và sau những năm 1990, XHHMT tiếp tục phát triển trên cả phương diện tổ chức, nhân lực lẫn đào tạo, nghiên cứu và xuất bản. Ở Việt Nam, XHHMT đã phát triển mạnh trong mấy thập kỷ vừa qua.

Khi bàn về các hướng nghiên cứu chính của XHHMT, Dunlap và Catton (1979) đã đề cập đến các hướng cụ thể, bao gồm tác động qua lại giữa con người và môi trường do con người tạo ra; ứng phó của chính phủ, nền công nghiệp, tổ chức xã hội đối với các vấn đề môi trường; các thảm họa và rủi ro tự nhiên; tác động xã hội của các chương trình, dự án; hệ quả của thiếu hụt năng lượng, tài nguyên; phân bổ, tích trữ tài nguyên. Một số lý thuyết quan trọng trong XHHMT có thể điểm qua như sau: (i) Lý thuyết cạnh tranh giữa các chức năng môi trường của Dunlap và Catton (1979) và Dunlap (1995) giải thích suy thoái của môi trường thông qua sự cạnh tranh giữa ba chức năng: trạm cung cấp, kho chứa rác thải và không gian sống; (ii) lý thuyết xã hội rủi ro của Beck (1992) và Giddens (1999) cho rằng nếu trước đây con người chỉ đối mặt với loại rủi ro đến từ tự nhiên thì ngày nay con người phải đối mặt với sự gia tăng của những rủi ro do mình tạo ra; (iii) lý thuyết hiện đại hóa sinh thái của Spaargaren và Mol (1992) cho rằng cần chuyển đổi quá trình hiện đại hóa dựa trên mục tiêu sinh thái, tức là vượt qua khủng hoảng sinh thái mà không phải từ bỏ hiện đại hóa; (iv) lý thuyết vòng quay của sản xuất của Schnaiberg (1980) đề cập đến các nhóm nhân tố chính tạo ra các vấn đề môi trường, bao gồm phát triển dân số, thay đổi kỹ thuật - công nghệ, mở rộng tiêu thụ, mở rộng sản xuất.

**NGUYỄN TUẤN ANH**

### Tài liệu tham khảo

1. Beck U., *The Risk Society: Towards a New Modernity*, London: Sage publication, 1992, 249p.
2. Dunlap R., *From Environmental to Ecological Problems*, in *The Sociology of the Environment* edited by M. Redclift and G. Woodgate, Aldershot: Edward Elgar, 1995.
3. Dunlap R. and W. Catton., *Environmental Sociology*, *Annual Review of Sociology* 5: 243-73, 1979.
4. Giddens A., *Risk and Responsibility*, *The Modern Law Review*, Cambridge: Polity Press, 62 (1):1-10, 1999.
5. Hannigan J., *Environmental Sociology*, Second Edition, Routledge, Taylor & Francis, 2006, 194p.
6. Nguyễn Tuấn Anh. *Xã hội học Môi trường*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016.
7. Spaargaren, Gert, and Arthur P. J. Mol. "Sociology, Environment, and Modernity: Ecological Modernization as a Theory of Social Change." *Society Natural Resources* 5(4):323-44, 1992.
8. Schnaiberg, Allan. *The Environment: From Surplus to Scarcity*. New York: Oxford University Press, 1980.